

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/DS-PT

Ngày 24-11-2020

V/v Tranh chấp về chia di sản thừa
kế (nhà và quyền sử dụng đất)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các thẩm phán: Ông Nông Hà Nam

Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Nha – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp về chia di sản thừa kế (nhà và quyền sử dụng đất)*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2020/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 87/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hà Kim A - Sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 04, ngách 4/24, Đ, quận Đ, thành phố H. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Luật sư Hoàng Thị L - Văn phòng Luật sư M, đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 7, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Đỗ Thị Kim B - Sinh năm 1953

Địa chỉ: Số 21, tổ 10 (nay là tổ 6), phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư N - Văn phòng luật

sư N - Đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 49, tổ 22 (nay là tổ 12), phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Hà Tiến V - Sinh năm 1975

Địa chỉ: số 21, tổ 10 (nay là tổ 6), phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Ngân hàng X- Chi nhánh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Hà Kim A và bị đơn Đỗ Thị Kim B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/8/2019 của nguyên đơn Hà Kim A, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa luật sư Hoàng Thị L - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Hà Đức C và bà Đỗ Thị Kim B là vợ chồng. Ông C và bà B sinh được 02 người con là Hà Tiến V, sinh năm 1975 và Hà Kim A, sinh năm 1977. Ngày 23/02/2005 ông C chết không để lại di chúc.

Di sản ông C để lại là tài sản chung với bà Đỗ Thị Kim B, gồm có nhà và đất tại tổ 10, (nay là tổ 6) phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Cụ thể, theo biên bản họp gia đình ngày 27/12/2016, nguyên đơn yêu cầu được chia Thừa đất số 160, tờ bản đồ số 10, diện tích 206,4m². Trên đất có gắn liền 01 ngôi nhà xây cấp 4 xây dựng năm 1997, kết cấu tường gạch mái proximBg nền lát gạch hoa, diện tích 72,2m². Phía nguyên đơn sẽ có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch giá trị nhà và đất cho bị đơn bà Đỗ Thị Kim B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Tiến V. Còn thừa đất số 160b, tờ bản đồ số 10, diện tích 327,8m², loại đất: Đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, bà B đã làm thủ tục tặng cho ông Hà Tiến V, hiện nay ông V đang thế chấp với Ngân hàng nên bà không đề nghị xem xét chia lại nữa, mà chỉ đề nghị xem xét tính toán trên cơ sở giá trị tài sản cho mỗi kỳ phần được chia theo quy định của pháp luật.

Tại thời điểm ông C chết, hai thửa đất trên chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ); Nên cuối năm 2016 khi làm thủ tục chia di sản thừa kế bị vướng mắc, không thực hiện được nên gia đình đã họp và thống nhất làm thủ tục theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xin cấp GCNQSDĐ lần

đầu, chị A và anh V đã ký văn bản phân chia tài sản thừa kế để niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, cũng trong ngày hôm đó có lập riêng biên bản họp gia đình về việc chia thừa kế. Sau khi hoàn tất thủ tục đúng theo quy định về việc thì bà Đỗ Thị Kim B mới được đứng tên đối với thửa đất số 160 (GCNQSDĐ đất số CE 361703) và 160b (GCNQSDĐ đất số CE 361702), tờ bản đồ số 10 tại tổ 10, phường S, thành phố C tỉnh Cao Bằng, do Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 26/5/2017. Kể từ khi bà B có được GCNQSDĐ, bà B không thực hiện việc chia di sản thừa kế cho bà theo biên bản họp gia đình, chị A đã làm đơn đến Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C để giải quyết như bà B vẫn không thực hiện việc chia di sản thừa kế cho chị A.

Nay phía nguyên đơn yêu cầu được chia di sản thừa kế của ông Hà Đức C là 1/2 giá trị tài sản chung của ông Hà Đức C và bà Đỗ Thị Kim B theo quy định của pháp luật, yêu cầu được chia bằng hiện vật tương đương giá trị kỷ phần được vì hiện nay nguyên đơn chị Hà Kim A không có chỗ ở ổn định, không nhận giá trị kỷ phần được chia bằng tiền.

Theo chứng thư thẩm định giá số 1911034/TĐG/VCA-CTTĐG ngày 14/11/2019 là 6.921.109.000,^d(Sáu tỉ chín trăm hai mươi một triệu một trăm linh chín nghìn đồng), cụ thể như sau:

Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 10, diện tích 206,4m² (72,2m² đất là đất ở, giá trị hiện nay: 857.880.400 đồng; còn lại là đất trồng cây hàng năm, giá trị hiện nay: 1.160.762.900 đồng). Trên đất có gắn liền 01 ngôi nhà xây cấp 4 xây dựng năm 1997, kết cấu tường gạch mái proximBg nền lát gạch hoa, đã tu sửa lại năm 2012, diện tích 72,2m². Ngôi nhà này do chị A đứng ra xây vào năm 1997 khi chị A lấy chồng và ở tại ngôi nhà này. Giá trị ngôi nhà hiện nay: 56.225.889 đồng.

Thửa đất số 160b, tờ bản đồ số 10, diện tích 327,8m², loại đất: Đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, giá trị hiện nay: 4.651.154.200 đồng. Trên đất có 01 nhà hai tầng xây dựng năm 1990, kết cấu BTCT tường gạch mái lợp tôn nền lát gạch hoa, đã tu sửa lại năm 2006, diện tích 121,68m², giá trị hiện nay là 171.351.407 đồng và 01 nhà bếp + nhà vệ sinh, diện tích 23m², tường gạch, mái proximang, sàn gạch hoa, giá trị hiện nay là 23.734.369 đồng.

Ngôi nhà 02 tầng do ông C và bà B xây. Hiện nay bà B đã tặng cho anh Hà Tiến V ngôi nhà xây 02 tầng + công trình phụ đi liền với ngôi nhà này.

Tại bản tự khai ngày 08/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Đỗ Thị Kim B trình bày:

Bà xác nhận, bà và ông Hà Đức C có 02 người con là Hà Tiến V và Hà Kim A;

Ngoài ra, không có con riêng, con nuôi, bố mẹ đẻ của ông C đã mất từ lâu nên không còn ai khác cùng hàng thừa kế. Bà B xác nhận khối tài sản thừa kế của ông Hà Đức C chết để lại đúng như phía nguyên đơn trình bày. Khối tài sản này do bà và ông C tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Khi ông C chết không để lại di chúc, bà đồng ý chia di sản thừa kế của ông C để lại theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, bà không đồng ý chia theo biên bản họp gia đình ngày 27/12/2016, mà phía nguyên đơn đưa ra. Đối với việc chia di sản thừa kế của ông Hà Đức C, bà có ý kiến: Bà được giữ lại ngôi nhà xây cấp 4, xây dựng trên thửa đất số 160, tờ bản đồ số 10, diện tích 206,4m² để làm chỗ ở cho bà và cháu ngoại là Nguyễn Gia B (con riêng của chị A) vì bà được hưởng 1/2 giá trị tài sản nhà và đất; Bà yêu cầu chia đôi theo chiều dọc ngôi nhà, phần của bà được hưởng bà sẽ tặng cho cháu Nguyễn Gia B chứ không cho chị A được hưởng, còn phần di sản chị A được hưởng theo quy định của pháp luật sẽ được tính bằng tiền, bà sẽ có trách nhiệm thanh toán cho chị A.

Riêng thửa đất số 160b, tờ bản đồ số 10 tại tổ 10, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng có tổng diện tích 327,8m², loại đất: Đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài. Trên đất có 01 nhà hai tầng xây dựng năm 1990, kết cấu BTCT tường gạch mái lợp tôn nền lát gạch hoa, đã tu sửa lại năm 2006, diện tích 121,68m², bà đã làm thủ tục tặng cho con trai là Hà Tiến V theo ý nguyện của ông Hà Đức C. Thửa đất này con trai bà đã được cấp GCNQSDĐ và hiện nay đang được thế chấp tại Ngân hàng X- Chi nhánh Cao Bằng (Sau đây gọi là Ngân hàng X) để lấy vốn làm ăn. Bà tự nguyện cam kết với Ngân hàng X về việc tặng cho tài sản là thửa đất số 160b cho anh Hà Tiến V và nghĩa vụ thanh toán khoản vay của anh V với Ngân hàng X theo đúng quy định của pháp luật.

Về giá trị tài sản bà nhất trí giữ nguyên theo chứng thư Thẩm định giá số 1911034/TĐG/VCA-CTTĐG ngày 14/11/2019 là 6.921.109.000,^d(Sáu tỉ chín trăm hai mươi một triệu một trăm linh chín nghìn đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Tiến V: Xác nhận lời trình bày của người được ủy quyền của nguyên đơn Hà Kim A và bị đơn bà Đỗ Thị Kim B về quan hệ huyết thống, cũng như phần di sản của ông Hà Đức C để lại và có cùng ý kiến như phía bị đơn, bà B về việc chia di sản thừa kế. Đối với thửa đất số 160b, tờ bản đồ số 10 tại tổ 10, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng có tổng diện tích 327,8m², loại đất: Đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài. Anh đã được mẹ đẻ là bà Đỗ Thị Kim B làm thủ tục tặng cho tài sản và anh đã làm thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ từ tháng 9/2017; Phần đất này, hiện anh đang

thế chấp tại Ngân hàng X để lấy vốn làm ăn. Cụ thể các hợp đồng sau: Hợp đồng số 01/2017/1728202/HĐTD ngày 04/12/2017, số tiền vay là 1.000.000.000, đ (Một tỷ đồng).

Hợp đồng số 01/2018/1728202/HĐTD ngày 20/3/2018, số tiền vay 200.000.000,đ (Hai trăm triệu đồng). Hợp đồng số 02/ 2018/ 1728202/ HĐTD ngày 22/6/2018, số tiền vay là 300.000.000,đ (Ba trăm triệu đồng). Hợp đồng số 03/2018/1728202/HĐTD ngày 18/11/2018, số tiền vay là 200.000.000,đ (Hai trăm triệu đồng). Tổng số tiền vay theo bốn hợp đồng tín dụng là 1.700.000.000,đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

Ngày 30/7/2020 giữa anh và Ngân hàng X đã có cam kết tự nguyện trả nợ Ngân hàng X theo quy định của pháp luật. Về giá trị tài sản, anh nhất trí giữ nguyên theo chứng thư Thẩm định giá số 1911034/TĐG/VCA-CTTĐG ngày 14/11/2019 là 6.921.109.000,^d(Sáu tỉ chín trăm hai mươi một triệu một trăm linh chín nghìn đồng).

Ngân hàng X- Chi nhánh Cao Bằng (Ngân hàng X), được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nhưng đã có đơn đề nghị từ chối tham gia tố tụng. Theo các văn bản số 455/CV-BIDV.CB ngày 02/7/2020 và công văn số 538/CV- X.CB ngày 24/7/2020 của Ngân hàng X - Chi nhánh Cao Bằng có nội dung: " Khách hàng Hà Tiến V và bà Đỗ Thị Kim B đã có cam kết sau khi có phán quyết của Tòa án nhân dân thành phố C. Khách hàng và bà B vẫn tiếp tục thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng và phối hợp với ngân hàng trong việc xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi/tiếp tục thế chấp tài sản thuộc sở hữu của bà B và ông V để đảm bảo dư nợ của ông Hà Tiến V tại X Cao Bằng. Bằng văn bản này X Cao Bằng có ý kiến: đề nghị Tòa xem xét quyền lợi của X Cao Bằng theo quy định pháp luật và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà B, Luật sư N trình bày: Việc khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo đơn của chị Hà Kim A đã được Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Luật sư có ý kiến sau:

Về biên bản họp gia đình và biên bản phân chia di sản ngày 27/12/2016 của gia đình là không có giá trị pháp lý. Chị A cũng chưa làm thủ tục gì với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, như vậy cũng đồng nghĩa với việc chị A đã từ chối nhận di sản được chia theo thỏa thuận của gia đình. Nên bà B có quyền thay đổi ý kiến đã thỏa thuận.

Việc bà B tặng cho anh Hà Tiến V thửa đất số 160b tờ bản đồ số 10 tại tổ 10, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng có tổng diện tích 327,8m² là đúng quy định của pháp luật nên không cần đem ra chia lại theo từng thửa đất đã được cơ quan nhà

nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên đương sự; Để không làm thay đổi, xáo trộn cuộc sống sinh hoạt của các bên đương sự, gây thêm khó khăn trong việc chia di sản thừa kế.

Tuy nhiên, chị A đã có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông C để lại thì cũng nên xem xét giải quyết quyền lợi của chị A theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, khối di sản đã được thẩm định giá, các bên đương sự cũng nhất trí với giá trị theo chứng thư thẩm định giá số 1911034/TĐG/VCA-CTTĐG ngày 14/11/2019 là 6.921.109.000,^d(Sáu tỉ chín trăm hai mươi một triệu một trăm linh chín nghìn đồng). Phần bà B được hưởng 1/2 giá trị tài sản, phần di sản ông C để lại là 3.460.554.500, đ (ba tỉ bốn trăm sáu mươi triệu năm trăm năm mươi tư nghìn năm trăm đồng).

Căn cứ: Luật hôn nhân và gia đình; Điều 651,660 - Bộ luật dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chia di sản thừa kế cho chị A theo giá trị bằng tiền. Để bà B được tiếp tục quản lý sử dụng ngôi nhà và đất thửa số 160, tờ bản đồ số 10, diện tích 206,4m² để làm chỗ ở cho bà cháu ngoại là Nguyễn Gia B. Vì bà B là người có công lao quản lý, tu sửa tài sản từ khi ông C cho đến nay. Bà B có trách nhiệm thanh toán tiền cho chị A theo kỷ phần được chia theo quy định của pháp luật là 1/3 giá trị tài sản là 1.153.000.000,đ (Một tỉ một trăm năm mươi ba triệu đồng).

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng đã:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 611, 612, 613,615, 617, 618, 623, 649, 650, 651,660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 33, Điều 66 - Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hà Kim A đối với bà Đỗ Thị Kim B, anh Hà Tiến V về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Hà Đức C gồm: bà Đỗ Thị Kim B, anh Hà Tiến V và chị Hà Kim A.

3. Xác định di sản thừa kế của ông C để lại là 1/2 giá trị nhà, đất ở, đất vườn của 02 thửa đất 160 và 160b tờ bản đồ số 10 tại tổ 10 (nay là tổ 6), phường

S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, có giá trị bằng tiền 3.460.554.500, đ (ba tỉ bốn trăm sáu mươi triệu năm trăm năm mươi tư nghìn năm trăm đồng).

Xác định giá trị kỷ phần thừa kế của mỗi đồng thừa kế bằng tiền (Bà B, Bh V, chị A), mỗi kỷ phần được hưởng 1.153.518.166,đ (Một tỉ một trăm năm mươi ba triệu năm trăm mười tám nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng).

Cụ thể, chia tương ứng bằng hiện vật: Chị Hà Kim A được chia phần đất có diện tích 72,2m² đất là đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, tại thửa số 160 có GCNQSDĐ số CE 361703 ngày 26/5/2017 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp mang tên Đỗ Thị Kim B. Giá trị: 857.880.400 đồng; 01 ngôi nhà xây cấp 4 xây dựng năm 1997, kết cấu tường gạch máng proximang nền lát gạch hoa, đã tu sửa lại năm 2012, trên diện tích 72,2m² đất ở. Giá trị ngôi nhà: 56.225.889,đ. Tổng giá trị hiện vật chị A được hưởng là 914.106.289,đ. Không buộc bà Đỗ Thị Kim B và anh Hà Tiến V phải thanh toán phần chênh lệch tài sản cho chị Hà Kim A.

Bà Đỗ Thị Kim B và anh Hà Tiến V được hưởng phần đất có diện tích 134,2m² là đất trồng cây hàng năm khác, thời hạn sử dụng: 24/01/2067, giá trị: 1.160.762.900 đồng tại thửa số 160 theo GCNQSDĐ số CE 361703 ngày 26/5/2017 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp mang tên Đỗ Thị Kim B và thửa đất số 160b, tờ bản đồ số 10 tại tổ 10, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng có tổng diện tích 327,8m², loại đất: Đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, có GCNQSDĐ số CK 184505 ngày 11/9/2017 do Sở R Cao Bằng cấp mang tên Hà Tiến V.

Ghi nhận sự thỏa thuận của Bà Đỗ Thị Kim B và ông Hà Tiến V với ngân hàng X Cao Bằng. Bà B và anh V có trách nhiệm thanh toán khoản tiền vay theo các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng theo đúng cam kết ngày 30/7/2020 (có ban hành kèm theo bản án).

Chị Hà Kim A, bà Đỗ Thị Kim B, anh Hà Tiến V có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được công nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản được phân chia tại thửa số 160, theo GCNQSDĐ số CE 361703 ngày 26/5/2017 và thửa 160b theo GCNQSDĐ đất do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp mang tên Đỗ Thị Kim B.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quB thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Hà Kim A phải chịu án phí án phí sơ thẩm dân sự là 39.423.188,đ để sung quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.000.000,đ theo biên lai thu số AA 2018/0000535 ngày 22/ 8/ 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Chị A còn phải nộp số tiền 3.423.188,đ để sung vào công quỹ nhà nước.

Anh Hà Tiên V phải chịu án phí án phí sơ thẩm dân sự là 46.605.545,đ để sung quỹ nhà nước.

Bà Đỗ Thị Kim B được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20 tháng 8 năm 2020 bị đơn Đỗ Thị Kim B có đơn kháng cáo. Ngày 24/8/2020 nguyên đơn Hà Kim A có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Hà Kim A và bị đơn Đỗ Thị Kim B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kháng cáo của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với kháng cáo của nguyên đơn và ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Kim A – Luật sư Hoàng Thị L trình bày, tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn rút một phần số tiền chênh lệch di sản thừa kế, chỉ yêu cầu bà B, anh V thanh toán 100.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn do đó cần được chấp nhận.

Đối với phần án phí: Tòa án tuyên kỷ phần của bà Đỗ Thị Kim B và anh Hà Tiên V được hưởng phần đất có diện tích 134,2m² là đất trồng cây hàng năm khác, thời hạn sử dụng: 24/01/2067, giá trị: 1.160.762.900 đồng, bà B được miễn án phí theo quy định, anh Hà Tiên V phải chịu án phí dân sự là: 46.605.545 đồng để sung công quỹ nhà nước là chưa chính xác. Do đó Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015, sửa bản án sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng về phần án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe kết quả

tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ tranh chấp là : Tranh chấp về thừa kế tài sản” để thụ lý và giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế, di sản thừa kế và thực tế quản lý sử dụng.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 623 BLTTDS năm 2015 xác định thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế, Điều 649, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 về xác định hàng thừa kế là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Về di sản thừa kế: Xác định di sản thừa kế là khối tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất của ông Hà Đức C và bà Đỗ Thị Kim B, gồm thửa đất số 160 tờ bản đồ số 10, diện tích 206,4m² và thửa số 160b tờ bản đồ số 10, diện tích 327,8m², địa chỉ các thửa đất trên tại tổ 10 (nay là tổ 6) phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Tại biên bản họp gia đình ngày 27/12/2016, hàng thừa kế thứ nhất của ông Hà Đức C gồm bà Đỗ Thị Kim B, anh Hà Tiến V, chị Hà Kim A Thống nhất về việc phân chia di sản, trong đó có nội dung chia cho bà Hà Kim A thửa đất số 160, tờ bản đồ số 10, diện tích 206,4m² (trên đất có nhà xây cấp 4).

Ngày 26/5/2017 bà Đỗ Thị Kim B đã được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp GCNQSDĐ số CE 361703 đối với thửa đất số 160, tờ bản đồ số 10, diện tích 206,4m² và GCNQSDĐ số CE 361702 đối với thửa đất số 160b, tờ bản đồ số 10, diện tích 327,8m². Sau khi được cấp GCNQSDĐ đối với hai thửa đất trên bà B đã làm thủ tục tặng cho con trai là Hà Tiến V thửa đất 160b (Đối với thửa đất này anh V đã kê khai và được cấp GCNQSDĐ số CK 184505 ngày 11/9/2017 do Sở R Cao Bằng cấp), đối với thửa đất này anh V đã đem thế chấp tại Ngân hàng X chi nhánh Cao Bằng để vay vốn làm ăn. Tuy nhiên thửa 160b bà B không chia cho chị A theo như biên bản họp gia đình ngày 27/12/2016.

Theo chứng thư thẩm định giá số 1911034/TĐG/VCA-CTTĐG ngày 14/11/2019 thì giá trị tài sản gồm nhà và đất của bà B, ông C là 6.921.109.000 (Sáu tỉ chín trăm hai mươi một triệu một trăm linh chín nghìn đồng). Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 612 BLDS năm 2015, Điều 33, Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình

xác định phần tài sản của bà B trong khối tài sản chung của vợ chồng là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản: $6.921.109.000 : 2 = 3.460.554.500\text{đ}$ (Ba tỉ bốn trăm sáu mươi triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm đồng). Theo đó, di sản của ông Hà Đức C sẽ được chia cho 03 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, cụ thể mỗi người được hưởng: $3.460.554.500 : 3 = 1.153.518.166,666\text{đ}$. Làm tròn số là 1.153.518.166 đ (Một tỉ một trăm năm mươi ba triệu năm trăm mười tám nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng).

Xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định về di sản thừa kế, hàng thừa kế và tính kỷ phần của mỗi suất thừa kế trong vụ án này là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Hà Kim A:

Nguyên đơn Hà Kim A kháng cáo yêu cầu bà B và anh V thanh toán khoản tiền chênh lệch là 239.411.877đ tương ứng với 27m² đất tại thửa 160 tờ bản đồ số 10.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng giữa các đương sự có mối quan hệ huyết thống, bà B là người sinh thành nuôi dưỡng chị A, mặt khác chị A ở xa, không thực hiện việc thờ cúng tổ tiên do đó cấp sơ thẩm tuyên bà B, anh V không phải thanh toán khoản tiền chênh lệch là 239.411.877đ cho chị A là không có căn cứ, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của chị A.

Bởi lẽ, công sức tạo lập ra tài sản, duy trì bảo quản di sản và quản lý, tôn tạo di sản của bà B đã được tính trong phần tài sản mà bà được hưởng trong khối tài sản chung của bà và ông C. Đối với phần di sản của ông C để lại, theo quy định của pháp luật phải được chia đều cho các hàng thừa kế.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn luật sư Hoàng Thị L giữ nguyên kháng cáo và rút một phần số tiền chênh lệch, chỉ yêu cầu bà B, anh V thanh toán một phần số tiền chênh lệch cho chị Hà Kim A là 100.000.000 đồng. Cấp phúc thẩm xét thấy đây là yêu cầu có căn cứ và đảm bảo quyền lợi của chị A nên cần được chấp nhận .

[2.3] Xét kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị Kim B:

Tại đơn kháng cáo bà B có 02 yêu cầu, một là bà B nhận 72,2m² đất ở và ngôi nhà xây cấp 4, còn bà A nhận đất có diện tích 134,2m²; yêu cầu thứ hai, bà B cho rằng bà nhận toàn bộ thửa đất số 160 diện tích 206,4m² và ngôi nhà xây trên đất, bà có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền 1.153.518.166 đ. Đối với yêu cầu trên của bà B, cấp phúc thẩm thấy đây là yêu cầu không có căn cứ, không đảm bảo quyền lợi của chị A do đó không được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do Tòa án chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Hà Kim A,

do đó chị A phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật đối với tổng giá trị tài sản mà chị được nhận là 1.014.106,289đ.

Anh Hà Tiến V phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật đối với tổng giá trị tài sản mà anh được nhận là 1.153.518.166đ cùng với $\frac{1}{2}$ số tiền chênh lệch là $139.411.877 : 2 = 69.705.938đ$.

Bà Đỗ Thị Kim B được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX phúc thẩm nên cần chấp nhận sửa một phần bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bB thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 615, 617, 618, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 33, Điều 66 - Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Hà Kim A. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị Kim B. Sửa án sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hà Kim A đối với bà Đỗ Thị Kim B, anh Hà Tiến V về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Hà Đức C gồm: Bà Đỗ Thị Kim B, anh Hà Tiến V và chị Hà Kim A.

3. Xác định di sản thừa kế của ông C để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất ở, đất vườn của 02 thửa đất 160 và 160b tờ bản đồ số 10 tại tổ 10 (nay là tổ 6), phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, có giá trị bằng tiền 3.460.554.500, đ (Ba tỉ bốn trăm sáu mươi triệu năm trăm năm mươi tư nghìn năm trăm đồng).

Xác định giá trị kỹ phần thừa kế của mỗi đồng thừa kế bằng tiền (Bà B, anh V, chị A), mỗi kỹ phần được hưởng **1.153.518.166,đ** (Một tỉ một trăm năm mươi ba triệu năm trăm mười tám nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng).

Cụ thể, chia tương ứng bằng hiện vật: Chị Hà Kim A được chia phần

đất có diện tích 72,2m² đất là đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, tại thửa số 160 có GCNQSDĐ số CE 361703 ngày 26/5/2017 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp mang tên Đỗ Thị Kim B. Giá trị: 857.880.400 đồng; 01 ngôi nhà xây cấp 4 xây dựng năm 1997, kết cấu tường gạch mái proximang nền lát gạch hoa, đã tu sửa lại năm 2012, trên diện tích 72,2m² đất ở. Giá trị ngôi nhà: 56.225.889,đ. Tổng giá trị hiện vật chi A được hưởng là **914.106.289,đ**.

Bà Đỗ Thị Kim B và anh Hà Tiến V có trách nhiệm thanh toán **100.000.000đ** (Một trăm triệu đồng) tiền chênh lệch cho chị Hà Kim A.

Bà Đỗ Thị Kim B và anh Hà Tiến V được hưởng phần đất có diện tích 134,2m² là đất trồng cây hàng năm khác, thời hạn sử dụng: 24/01/2067, giá trị: **1.160.762.900đ** tại thửa số 160 theo GCNQSDĐ số CE 361703 ngày 26/5/2017 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp mang tên Đỗ Thị Kim B và thửa đất số 160b, tờ bản đồ số 10 tại tổ 10, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng có tổng diện tích 327,8 m², loại đất: Đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, có GCNQSDĐ số CK 184505 ngày 11/9/2017 do Sở R Cao Bằng cấp mang tên Hà Tiến V.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Đỗ Thị Kim B và ông Hà Tiến V với ngân hàng X Cao Bằng. Bà B và anh V có trách nhiệm thanh toán khoản tiền vay theo các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng theo đúng cam kết ngày 30/7/2020 (có ban hành kèm theo bản án).

Chị Hà Kim A, bà Đỗ Thị Kim B, anh Hà Tiến V có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được công nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản được phân chia tại thửa số 160, theo GCNQSDĐ số CE 361703 ngày 26/5/2017 và thửa 160b theo GCNQSDĐ đất do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp mang tên Đỗ Thị Kim B.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quB thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Hà Thị Kim A phải chịu án phí án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch là **42.423.188,đ** (Bốn mươi hai triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn một trăm tám mươi tám đồng) để sung quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 36.000.000,đ00 theo biên lai thu số AA/2018/0000535 ngày 22/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Chị A còn phải nộp số tiền **6.423.188,đ** (*Sáu triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn một trăm tám mươi tám đồng*) để sung vào công quỹ nhà nước.

Chị Hà Kim A được hoàn lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2018/0000816 ngày 28/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Anh Hà Tiên V phải chịu án phí án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch là **48.696.723,đ** (*Bốn mươi tám triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi ba đồng*) để sung quỹ nhà nước.

Bà Đỗ Thị Kim B được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh
- CCTHADS thành phố C;
- TBD thành phố C;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngôn Ngọc Viên